TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST
Ngày: 21/01/2022
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Thanh Hảo;

- Bà Ngô Thị Lệ Thi.

Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thái, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà Chung Thị H, sinh năm 1957; nơi cư trú: ấp Hà Bao 2, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Chung Thị H: Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1986, nơi cư trú: tổ 15, khóm V, phường N, thành phố H, tỉnh An Giang; là đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 24/11/2021.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Út C, sinh năm 1987, nơi cư trú: tổ 08, khóm V, phường N, thành phố H, tỉnh An Giang.

(Bà N, bà C, có mặt; bà H, vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Chung Thị H, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng

N trình bày: Bà H có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị Út C làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: hụi 500.000đồng, mở ngày 18/12/2020 âm lịch, hụi 10 ngày khui một lần, hụi chưa kết thúc, gồm 50 hụi viên, bà H tham gia 02 phần. Bà H đã góp hụi sống cho bà C được 12 lần thì bà C bị bể hụi, bỏ đi, ngưng mở hụi. Tổng số tiền bà H đã góp được cho 02 dây hụi này 8.000.000đồng. Bà C còn nợ bà H là 8.000.000đồng.

- Dây hụi thứ hai: hụi 2.000.000đồng/tháng, mở ngày 06/10/2020 âm lịch, bà H có mua lại hụi với số tiền 31.000.000đồng nên bà C còn nợ bà H số tiền 31.000.000đồng.

- Dây hụi thứ ba: hụi 3.000.000đồng/tháng, mở ngày 28/8/2020 âm lịch, bà H có mua lại hụi với số tiền 49.100.000đồng nên bà C còn nợ bà H số tiền hụi là 49.100.000đồng.

Ngoài ra, trước đây bà H có cho bà C vay số tiền 28.000.000 đồng, bà C chưa trả vốn cho bà H nên còn nợ vốn vay của bà H là 28.000.000đồng.

Đến ngày 28/4/2021, bà C ngưng mở hụi đối với các dây hụi này. Tổng số tiền hụi mà bà C nợ lại của bà H đối với các dây hụi trên là 88.100.000đồng và nợ vay là 28.000.000đồng. Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu bà C trả nợ hụi 92.100.000đồng, ngày 24/12/2021, bà N là người đại diện hợp pháp của bà H có đơn yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hụi 4.000.000đồng. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu bà C có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ hụi là 88.100.000đồng và nợ vay 28.000.000đồng, tổng cộng 116.100.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: 02 danh sách hụi + 01 giấy giao hụi + 02 giấy ghi nhận việc chơi hụi (bản photo).

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Út C cho rằng: Bà H có tham gia hụi do bà làm chủ hụi theo các dây hụi như bà H trình bày, thống nhất có nhận và còn nợ hụi của bà H 88.100.000đồng và nợ vay 28.000.000đồng, tổng cộng 116.100.000đồng. Bà C đồng ý trả cho bà H số nợ 116.100.000đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn, xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm. Bà H tự nguyện rút lại yêu cầu đối với số tiền nợ hụi 4.000.000đồng; chỉ yêu cầu bà C có trách nhiệm trả nợ hụi 88.100.000đồng và nợ vay 28.000.000đồng, tổng cộng 116.100.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn thừa nhận nợ hụi, nợ vay của bà H 116.100.000đồng, xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Từ ngày 28/8/2020 âm lịch đến ngày 18/12/2020 âm lịch, bà H tham gia 03 dây hụi do bà C làm chủ. Bà C tự ý ngưng hụi và còn nợ lại bà H 88.100.000đồng; bên cạnh nợ hụi, bà C có vay của bà H số tiền 28.000.000đồng. Hợp đồng hụi và hợp đồng vay giữa bà H với bà C được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bà C thừa nhận còn nợ tiền hụi, tiền vay của bà H. Cho nên, bà H khởi kiện yêu cầu bà C trả số nợ hụi, nợ vay là phù hợp với quy định tại các Điều 351, 463, 466 và 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu bà C trả số tiền nợ hụi 92.100.000đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hụi 4.000.000đồng, chỉ yêu cầu bà C trả số nợ hụi 88.100.000đồng, không yêu cầu trả lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đã bị rút.

Bà C thừa nhận có nợ bà H 116.100.000đồng và yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được bà H đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/20219 của Ch Phủ về họ, hụi, biêu, phường; các Điều 351, 463, 466 và 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H; buộc bà C có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 116.100.000đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện bị rút đối với số tiền 4.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bà Chung Thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Út C trả nợ hụi và nợ vay. Bà C đang cư trú trên địa bàn thành phố H nên yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[2] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Nguyên đơn bà Chung Thị H cho rằng, bà H có tham gia 03 dây hụi do bà C làm chủ gồm: dây hụi 500.000đồng, mở ngày 18/12/2020 âm lịch, bà H tham gia 02 phần; dây hụi 2.000.000đồng/tháng, mở ngày 06/10/2020 âm lịch, bà H có mua lại hụi với số tiền 31.000.000đồng nên bà C còn nợ bà H số tiền 31.000.000đồng; dây hụi 3.000.000đồng/tháng, mở ngày 28/8/2020 âm lịch, bà H có mua lại hụi với số tiền 49.100.000đồng nên bà C còn nợ bà H số tiền hụi là 49.100.000đồng. Ngoài ra, bà C có vay của bà H số tiền 28.000.000đồng. Đến thời điểm ngưng 03 dây hụi, bà C nợ bà H tổng số tiền hụi 88.100.000đồng và nợ tiền vay 28.000.000đồng.

Bà C thừa nhận có làm chủ 03 dây hụi, bà H có tham gia 03 dây hụi này và có mua lại hụi như bà H trình bày. Bà C thừa nhận còn nợ bà H số tiền hụi, tiền vay như bà H trình bày. Vì vậy, có cơ sở xác định bà H có tham gia 03 dây hụi, có mua lại hụi đang tranh chấp do bà C làm chủ, có nợ tiền vay 28.000.000đồng và bà C còn nợ lại bà H số tiền hụi, tiền vay là 116.100.000đồng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu bà C trả số tiền nợ hụi 92.100.000đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bà H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hụi 4.000.000đồng, chỉ yêu cầu bà C trả số nợ hụi 88.100.000đồng, nợ vay 28.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi. Cho nên, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện mà bà H đã rút theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà C có trách nhiệm trả cho bà H nợ hụi 88.100.000đồng, nợ vay 28.000.000đồng, tổng cộng 116.100.000đồng theo quy định tại các Điều 463, 466 và 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do bà H không yêu cầu trả lãi chậm thanh toán, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về phương thức thanh toán:

Bà C yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được bà H chấp nhận. Cho nên, phương thức thanh toán sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà H là 5.805.000đồng.

Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà H là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn tạm ứng án phí nên được miễn nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 147, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Chung Thị H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Út C trả số nợ hụi 4.000.000đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Chung Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị Út C có trách nhiệm trả cho bà Chung Thị H số nợ hụi, nợ vay *116.100.000 (một trăm mười sáu triệu, một trăm nghìn) đồng*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Út C phải chịu *5.805.000 (năm triệu, tám trăm lẻ năm nghìn) đồng* án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Chung Thị H là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn tạm ứng án nên được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Chung Thị H, bà Nguyễn Thị Út C có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. H (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.H (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phí Thị Phương Nhung